NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

HOSE: ACB - TÍCH CỰC

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

Ngành: Ngân hàng

Giá mục tiêu (VND/CP)	32.500
Giá hiện tại	23.400
Tăng/giảm	+38,89%

BIẾN ĐỘNG GIÁ

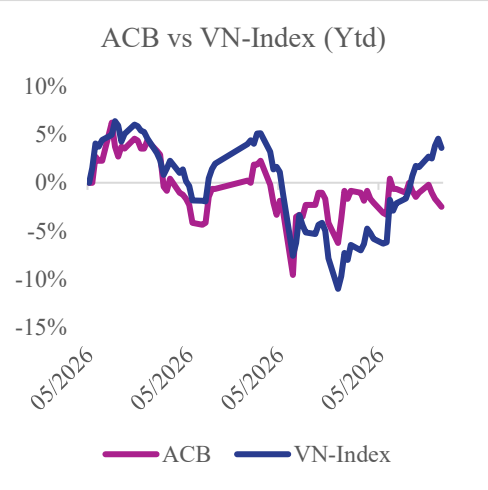

Thông tin giao dịch (28/04/2026)	
Giá hiện tại (VNĐ/cp)	23.400
Giá cao nhất 52W	29.500
Giá thấp nhất 52W	20.000
Số lượng CP niêm yết	5.136.656.599
Số lượng CP lưu hành	5.136.656.599
Sở hữu nước ngoài	27,44%
KLBQ 52W (cp)	13.514.008
EPS (vnd/cp)	3.254
P/E	7,19
P/B	1,1 9x
Vốn hóa (tỷ đồng)	120.197

(*) EPS theo BCKQKD 4 quý gần nhất

Senior Equity Research Analyst

Bùi Đức Thảo

thaobd@vixs.vn

*Chúng tôi đánh giá **TÍCH CỰC** dựa vào mức định giá hiện tại của ACB đang được chiết khấu ở mức hấp dẫn (lợi nhuận kỳ vọng +38,89%) mặc dù tốc độ tăng trưởng lợi nhuận đang chậm lại. ACB là một trong những ngân hàng thương mại tư nhân có quy mô lớn nhất trong hệ thống về quy mô tài sản (sau MBB, VPB và TCB trong nhóm tư nhân). Bên cạnh đó, ACB đang sở hữu hệ sinh thái tài chính đa dạng bao gồm các lĩnh vực như Ngân hàng, Chứng khoán và tài chính khác (quản lý nợ, cho thuê tài chính, quản lí quỹ), tuy nhiên hoạt động ngân hàng vẫn đóng góp lợi nhuận chính cho ACB (93%). Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận sau thuế của ACB sẽ đạt 16.196 tỷ đồng trong năm 2026, tương đương với tăng trưởng +3,65% YoY.*

Luận điểm Đầu tư:

- **Cập nhật KQKD Q1/2026:** Trong đó, NII (thu nhập lãi thuần) và lợi nhuận ròng của ngân hàng tăng trưởng lần lượt tới 9,9% và 17,5% YoY. Mặc dù vậy, mức NII hiện tai của ACB đang giảm nhẹ -1,47% so với Q4/2025, cho thấy NIM của ACB vẫn đang thu hẹp trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng vẫn đạt 3,2% trong Q1/2026.
- **Chất lượng tài sản chỉ xếp sau VCB trong năm 2025:** Tỷ lệ nợ xấu - NPL (nhóm 3 – 5/cho vay khách hàng) cũng như tỷ lệ nợ nhóm 2 (nợ cần chú ý) của ACB xếp thứ 2 trong hệ thống năm 2025 vừa qua và tiếp tục duy trì vị thế hàng đầu về chất lượng tài sản trong thời gian dài trước đó. Đặc biệt, so với chính ACB năm ngoái, tỷ lệ NPL giảm mạnh 52 điểm cơ bản kể từ đầu năm và tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng giảm 12 điểm cơ bản. Không chỉ có tỷ lệ nợ xấu thấp trong hệ thống, ACB cũng đang tiếp tục duy trì vị thế **"bao phủ nợ xấu" tốt trong** ngành ngân hàng đạt 114%(chỉ sau VCB, CTG, TCB). Bên cạnh đó, ACB có khẩu vị cho vay tới gần 2/3 danh mục dư nợ với nhóm khách hàng cá nhân – giúp cho ngân hàng phân mảnh được rủi ro thay vì tập trung nhiều vào nhóm doanh nghiệp.

Rủi ro: **(1) Tăng trưởng tín dụng không đủ bù đắp cho NIM suy giảm. (2) Áp lực thanh khoản chung trên hệ thống khi huy động không đủ bù đắp cho tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ**

Các yếu tố cần theo dõi: **Lãi suất Huy động tiền gửi của ACB, Thị trường OMO và Interbank.**

Ngân hàng thương mại (NHTM) có quy mô tài sản đứng thứ 7 trong 15 NHTM lớn niêm yết

Tính đến 31/12/2025, Tổng Tài Sản của ACB đạt 1.025.850 tỷ đồng – tăng trưởng 18,7% so với cùng kỳ. So với các NHTM niêm yết, quy mô tài sản của ACB chỉ xếp sau nhóm ngân hàng quốc doanh (BID, CTG, VCB) và được xếp vào nhóm NHTM tư nhân lớn (sau MBB, VPB và TCB). Với lợi thế quy mô lớn về tài sản trong hệ thống, lãi ròng của ACB đứng thứ 8/15 các ngân hàng lớn trên sàn chứng khoán. Đáng lưu ý, ACB là một trong số ít các NHTM có lợi nhuận đi lùi trong năm 2025, cụ thể, lợi nhuận sau thuế của ngân hàng -6,9% YoY.

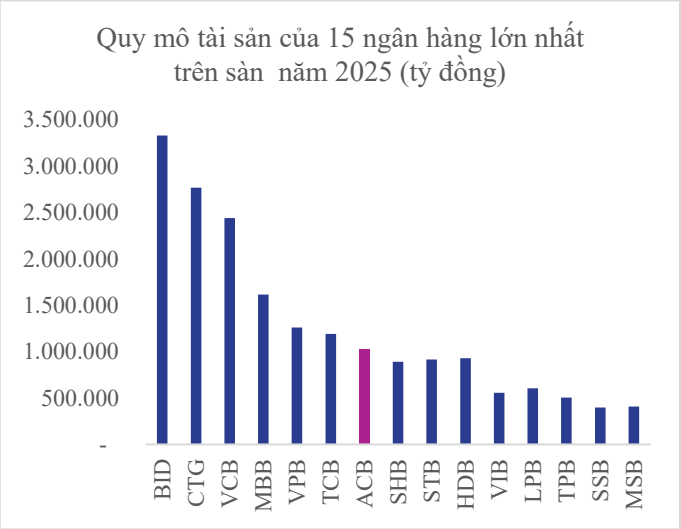

Nguồn: BCTC NHTM

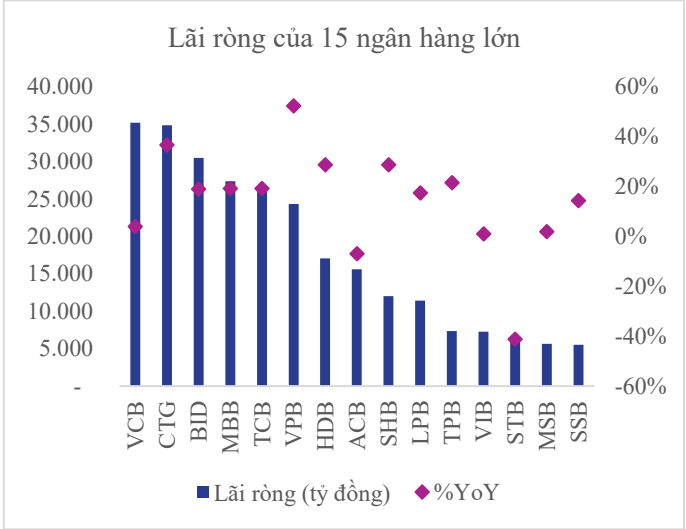

Nguồn: BCTC NHTM

Cấu trúc thu nhập trong ngân hàng

Thu nhập hoạt động (TOI) của ACB được cấu trúc bởi thu nhập lãi thuần (NII) và thu nhập ngoài lãi, trong đó thu nhập lãi thuần chiếm 79,6% tổng thu nhập của ngân hàng trong năm 2025. Điều này cho thấy phần lớn lợi nhuận của ACB đang đến từ hoạt động thuần ngân hàng (thu nhập lãi) và vẫn đang duy trì được hiệu quả của các hoạt động ngoài lãi (dịch vụ, tài chính khác). Mặc dù vậy, ACB đang đang là một trong số ít các ngân hàng có thu nhập lãi (NII) giảm (-3,2%) trong năm 2025 bên cạnh các ngân hàng như SHB, VIB và SSB. Điều này cho thấy ACB đang gặp áp lực NIM trong bối cảnh vẫn duy trì được tốc độ mở rộng quy mô về tài sản.

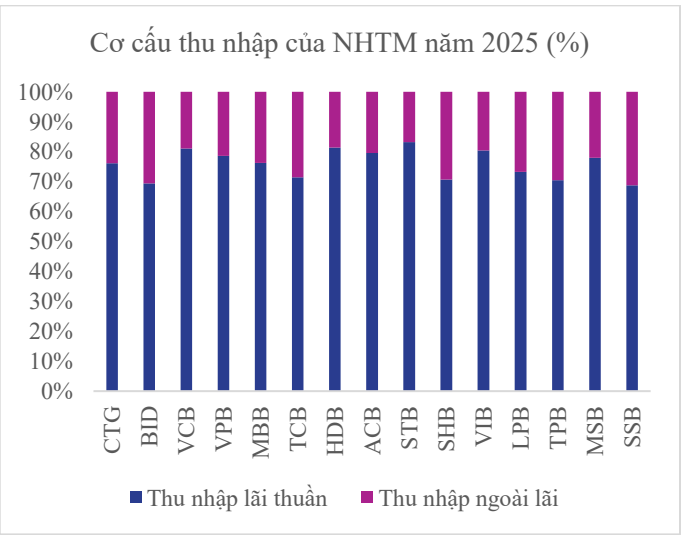

Nguồn: BCTC NHTM

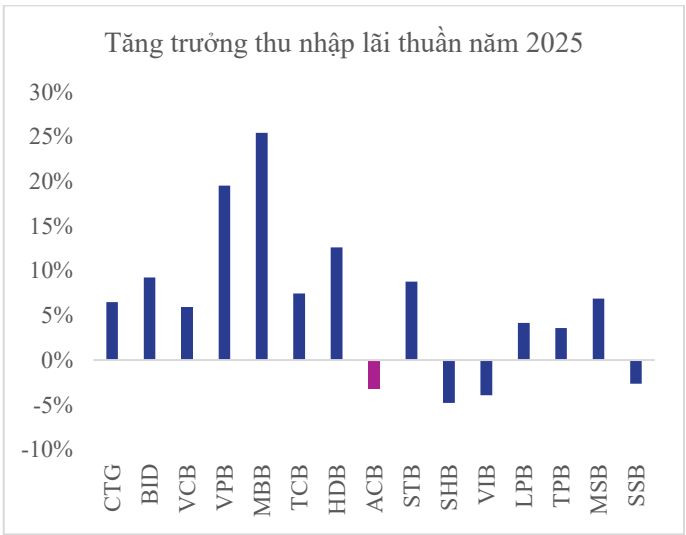

Nguồn: BCTC NHTM

1. Đánh giá hoạt động tín dụng

Hiệu suất tài sản (Asset Yield) liên tục suy giảm

Hiệu suất tài sản sinh lời (asset yield) của ACB đang giảm đáng kể từ năm 2023 – hiện đang **thấp nhất trong 10 năm** trở lại đây. Trong năm 2025, hiệu suất tài sản của ACB đạt 6,38% - giảm 24 điểm cơ bản so với cuối năm 2024 và thấp hơn đáng kể so với mức 7% của trung bình toàn ngành. Chúng tôi tin rằng mức hiệu suất thấp so với ngành đến từ (1) Các khoản cho vay khách hàng chứa ít ro (hiệu suất chỉ đạt 7,37%), (2) Phân bổ hơn 30% tài sản sinh lãi vào tiền gửi, cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản chứng khoán đầu tư (chủ yếu là trái phiếu từ các ngân hàng khác và trái phiếu chính phủ), đây đều là các khoản đầu tư an toàn – chỉ đem lại hiệu suất lần lượt là 3,66% và 4,25%/năm.

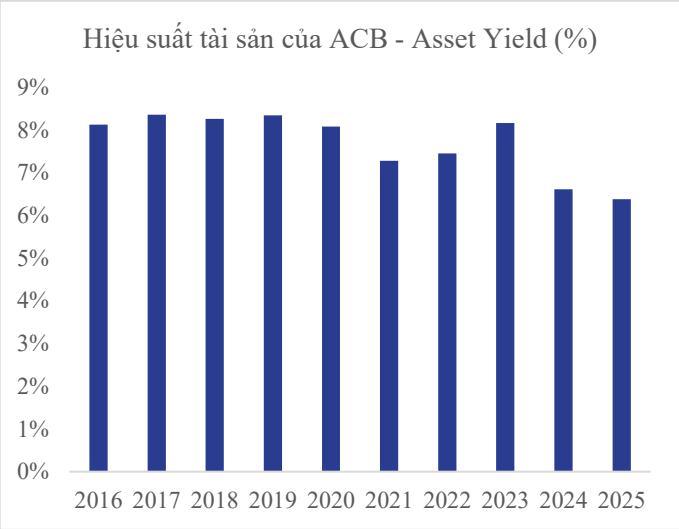

Nguồn: ACB

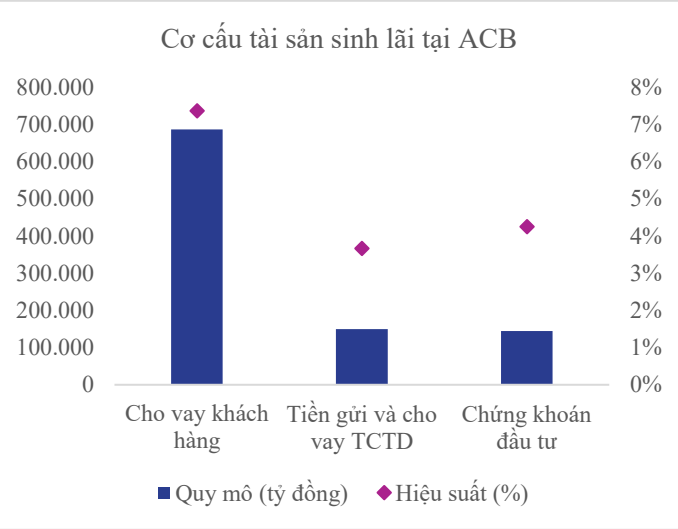

Nguồn: ACB

Áp lực chi phí vốn khiến NIM của ngân hàng suy giảm – lần đầu tiên NIM dưới 3%

Bên cạnh hiệu suất tài sản trên đà suy giảm liên tục, chi phí vốn bất ngờ tăng khiến cho NIM của ACB sụt giảm lớn trong năm 2025 (giảm 69 điểm cơ bản). Chúng tôi tin rằng nguyên chính dẫn đến áp lực cạnh tranh tiền gửi cũng như thanh khoản trong hệ thống ngân hàng. Nổi bật trong đó, tỷ lệ cho vay khách hàng/tiền gửi của ACB đã liên tục tăng cao – đạt 117% trong năm 2025, cho thấy nguồn vốn huy động tiền gửi của ACB không đủ đảm bảo cho tốc độ tăng trưởng giải ngân cho vay của ngân hàng. Cùng với đó, ACB cũng là một trong những NHTM có tốc độ tăng trưởng chậm trong huy động – chỉ đạt 8,9% so với tốc độ 15,4% trung bình ngành. Với áp lực đó, chúng tôi tin rằng nhiều khả năng ACB sẽ tiếp tục nâng mức lãi suất huy động so với năm 2025 – để cạnh tranh nguồn tiền gửi, qua đó tiếp tục gia tăng chi phí vốn của ngân hàng. Mặc dù vậy, ACB vẫn đang là một trong có các ngân hàng có lợi thế về chi phí vốn so với mặt bằng chung của ngành (thấp hơn 0,5 điểm phần trăm so với trung bình ngành) dựa trên lợi thế vốn CASA lớn (21,82% trong năm 2025).

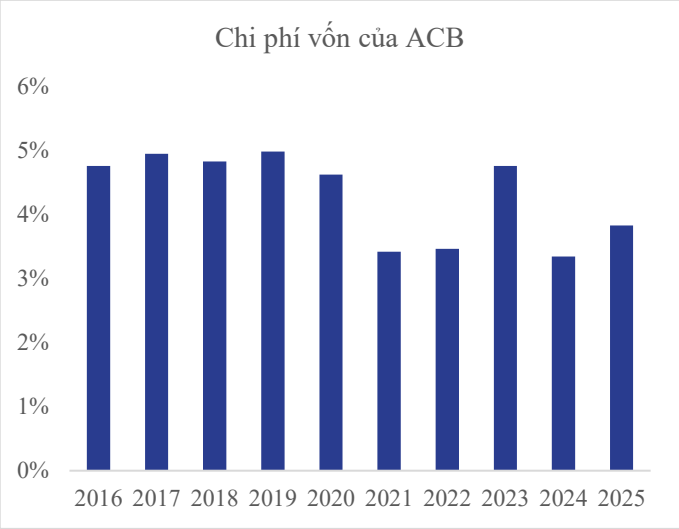

Nguồn: ACB

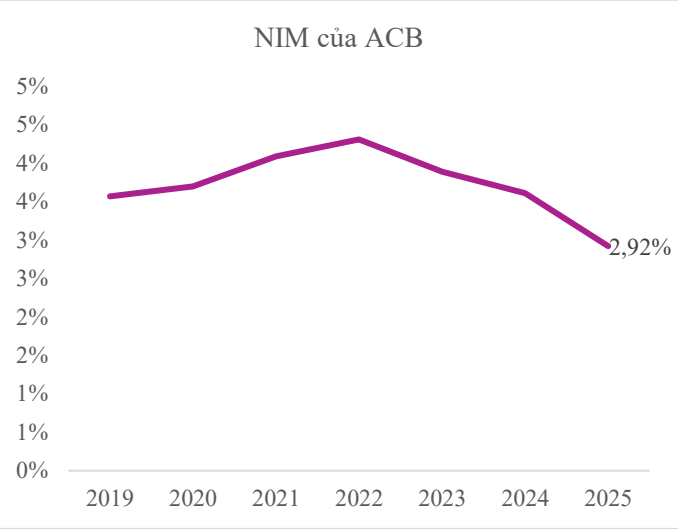

Nguồn: ACB

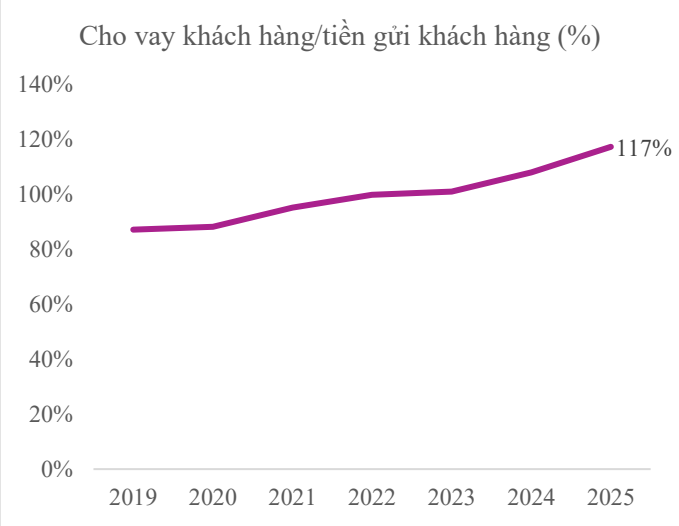

Nguồn: ACB

Nguồn: BCTC NHTM

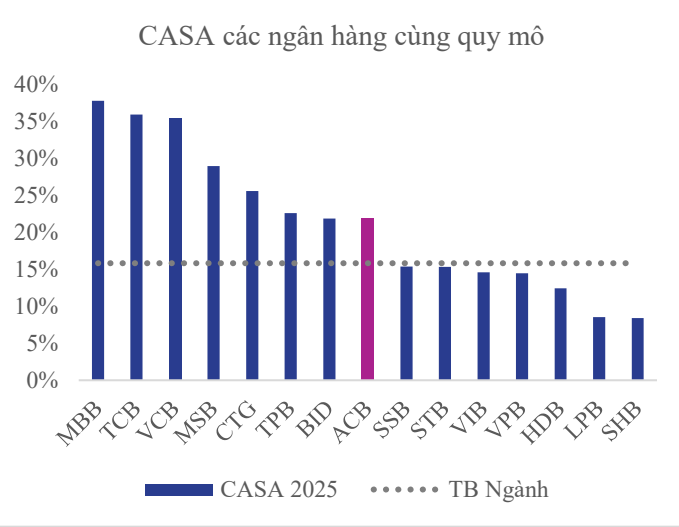

Nguồn: BCTC NHTM

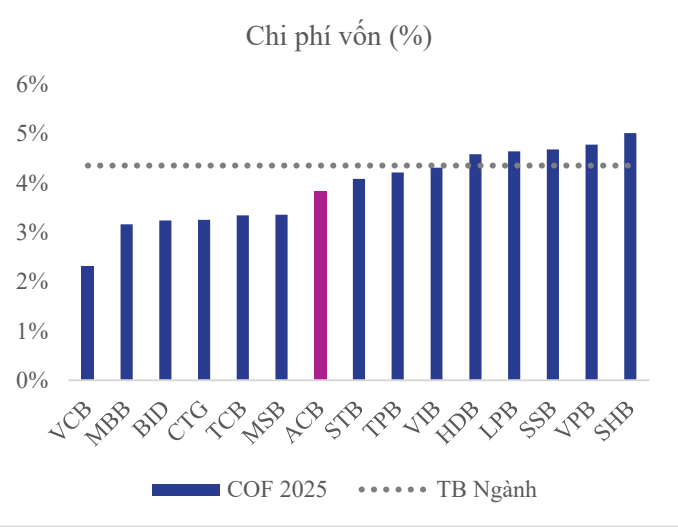

Nguồn: BCTC NHTM

Trích lập dự phòng áp lực trực tiếp tới lợi nhuận của ACB

Không chỉ áp lực từ thu nhập lãi thuần suy giảm (NIM giảm dẫn đến NII của ngân hàng suy giảm), các khoản trích lập dự phòng cũng đang là nguyên nhân chính khiến cho lợi nhuận ròng của ACB đi lùi trong năm 2025. Cụ thể, quy mô trích lập dự phòng tăng đáng kể lên mức 3.335 tỷ đồng trong năm 2025 (+107% so với năm 2024 và tương đương mức kỷ lục của năm 2021). Cùng với đó, tỷ lệ chi phí dự phòng/lợi nhuận trước trích lập cũng tăng lên mức 14,6% sau hai năm đi ngang quanh mức 7-8%. Mặc dù vậy, tỷ lệ chi phí trích lập/lợi nhuận trước trích lập của ACB vẫn thuộc nhóm thấp bên cạnh TCB, LPB và VCB trong năm 2025. Việc đẩy mạnh trích lập dự phòng trong năm 2025 cho thấy ban lãnh đạo đang cẩn thận quản trị rủi ro hơn và tạo ra được một bộ đệm dự phòng rủi ro tốt (chi tiết phần sau của báo cáo).

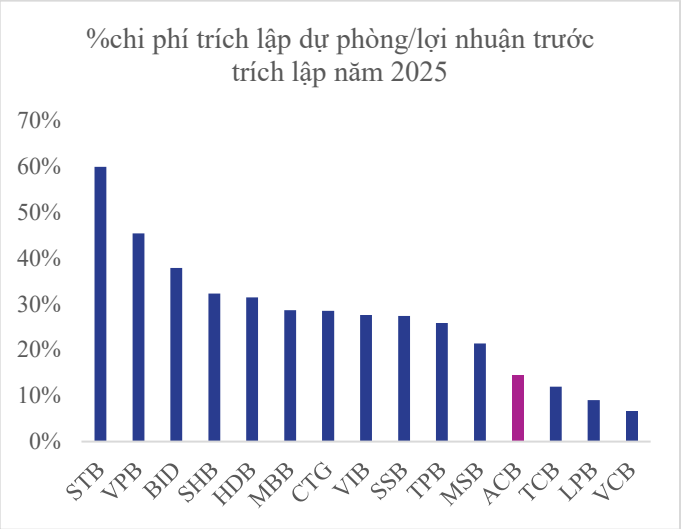

Nguồn: BCTC NHTM

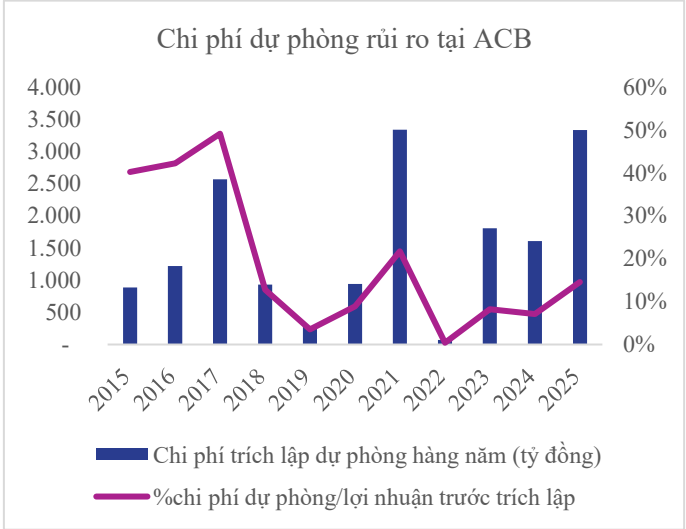

Nguồn: BCTC ACB

Danh mục cho vay an toàn tập trung phần lớn vào nhóm cá nhân

Cơ cấu khoản vay theo lĩnh vực	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Thương mại xe	18,71%	17,85%	17,93%	17,71%	17,54%	17,27%	17,49%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	0,35%	0,34%	0,33%	0,30%	0,29%	0,32%	0,36%
Sản xuất	8,93%	7,91%	6,82%	6,27%	5,79%	6,25%	6,42%
Xây dựng	4,64%	4,77%	4,46%	4,00%	3,74%	3,53%	3,22%
Cá nhân	63,40%	65,32%	67,04%	68,99%	69,56%	68,34%	65,96%
Kho bãi,vận tải, viễn thông	1,04%	1,12%	1,04%	0,90%	0,87%	0,87%	0,95%
Giáo dục và đào tạo	0,26%	0,24%	0,22%	0,20%	0,29%	0,34%	0,51%
Bất động sản và tư vấn	1,71%	1,52%	1,49%	1,18%	1,19%	1,30%	1,79%
Khách sạn và nhà hàng	0,95%	0,87%	0,65%	0,43%	0,34%	0,31%	0,28%
Dịch vụ tài chính	0,01%	0,03%	0,02%	0,02%	0,37%	1,48%	3,02%
Tổng	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**

Nguồn: ACB

Gần 2/3 danh mục cho vay của ACB thường được phân bổ tập trung cho khách hàng cá nhân kể từ năm 2019, cho thấy khẩu vị rủi ro của ACB tập trung vào nhóm cá nhân hơn vì giải ngân cho vay nhóm doanh nghiệp. Việc tập trung vào nhóm khách hàng bán lẻ giúp cho

ACB sẽ phân tán được bớt rủi hơn phần lớn các NHTM trong hệ thống (tỷ trọng cho vay nhóm khách hàng doanh nghiệp chiếm phần lớn). Tuy nhiên, điều này cũng khiến cho ACB có mức lợi suất cho vay khách hàng thấp hơn đáng kể so với trung bình ngành (7,37% so với 8,13%). Đặc biệt hơn nữa, lĩnh vực cho vay BĐS của ACB chỉ chiếm 1,79% danh mục giúp cho ngân hàng hạn chế được phần lớn rủi ro từ thị trường bất động sản trong bối cảnh căng thẳng về thanh khoản thị trường cũng như lãi suất thời gian tới.

Chất lượng tài sản đứng thứ hai trong hệ thống – xếp sau VCB

Tỷ lệ nợ xấu - NPL (nhóm 3 – 5/cho vay khách hàng) cũng như tỷ lệ nợ nhóm 2 (nợ cần chú ý) của ACB xếp thứ 2 trong hệ thống năm 2025 vừa qua và tiếp tục duy trì vị thế hàng đầu về chất lượng tài sản trong thời gian dài trước đó. Đặc biệt, so với chính ACB năm ngoái, tỷ lệ NPL giảm mạnh 52 điểm cơ bản kể từ đầu năm và tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng giảm 12 điểm cơ bản.

Không chỉ có tỷ lệ nợ xấu thấp trong hệ thống, ACB cũng đang tiếp tục duy trì vị thế **"bao phủ nợ xấu" tốt trong** ngành ngân hàng (chỉ sau VCB, CTG, TCB). Nổi bật trong đó, tỷ lệ bộ đệm dự phòng (LLR/NPL) của ACB đã được đẩy về mức trên 100% sau giai đoạn 2023-2024 (chỉ đạt lần lượt 91,2% và 77,9%). Điều này cho thấy phía ACB mang chiến lược điều hành "cẩn trọng" khi đã chủ động nâng cao bộ đệm trong bối cảnh nền kinh tế đang tiềm ẩn các rủi ro về thanh khoản, lãi suất và tỷ giá. Trong kịch bản nền kinh tế vận động tích cực theo định hướng từ Chính Phủ và Quốc Hội - tăng trưởng GDP/năm đạt 10% trong 5 năm tới, chất lượng tài sản của ACB được kỳ vọng sẽ cải thiện theo xu hướng vĩ mô chung và việc duy trì LLR/NPL cao như hiện tại sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí trích lập của ACB trong giai đoạn tới.

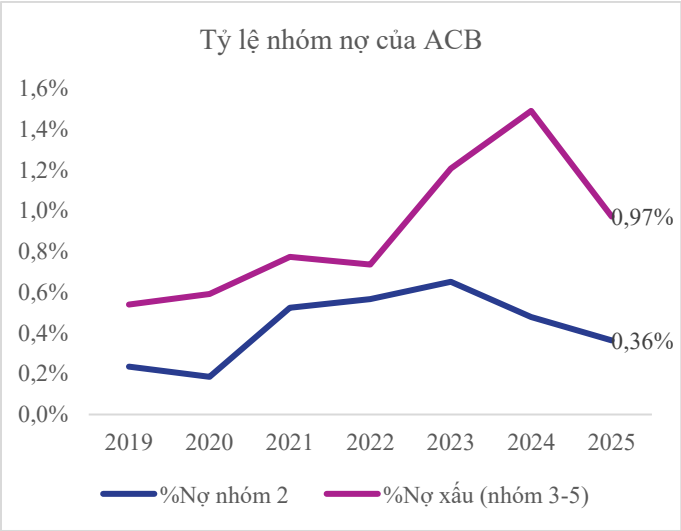

Nguồn: ACB

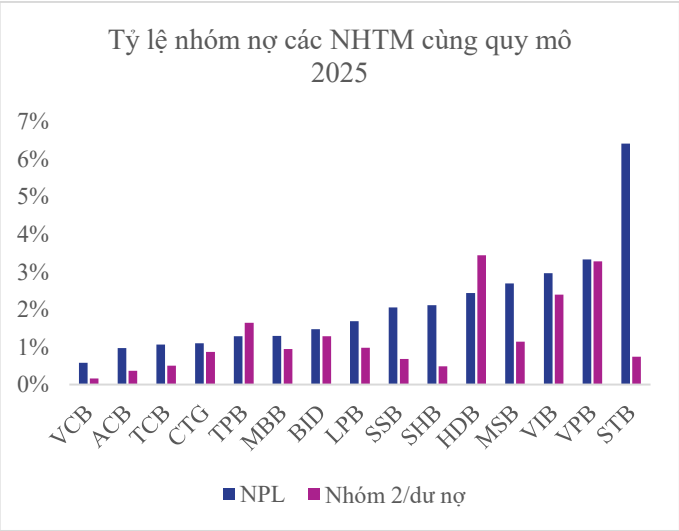

Nguồn: BCTC NHTM

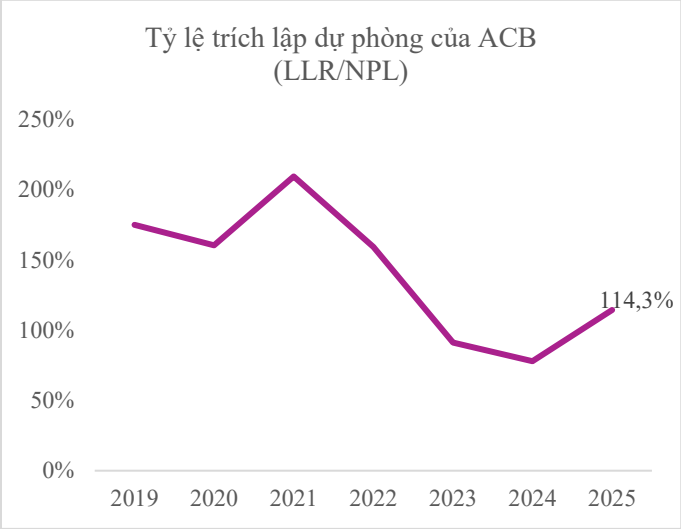

Nguồn: ACB

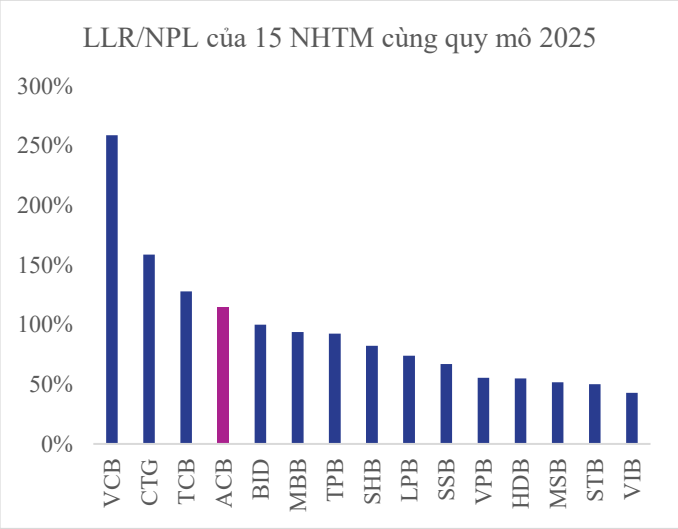

Nguồn: BCTC NHTM

2. Phân tích hoạt động kinh doanh ngoài lãi

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ hình thành xu hướng đi ngang ổn định từ năm 2022

So với các NHTM khác trong năm 2025, lợi nhuận từ hoạt động dịch vụ của ACB đứng thứ 10 trong hệ thống ngân hàng và đóng góp tới 9,3% tổng thu nhập hoạt động của ACB. Đáng lưu ý, thu nhập từ hoạt động dịch vụ gần như đi ngang kể từ 2021 đến nay – giúp ACB sinh lời ổn định từ 2.900 – 3.500 tỷ/năm từ hoạt động này. Trong khi đó, một số các ngân hàng tư nhân khác như TCB, MSB, TPB, LPB đều đang tận dụng mảng dịch vụ để thúc đẩy TOI mà không chịu nhiều rủi ro như hoạt động kinh doanh từ lãi hay các hoạt động kinh doanh ngoài lãi khác (Kinh doanh ngoại hối, vàng, chứng khoán,..). Chính vì vậy, chúng tôi tin rằng (1) ACB có thể chưa thực sự tối ưu được hoạt động dịch vụ dựa trên tệp khách hàng cá nhân lớn của ngân hàng hoặc (2) ngân hàng hi sinh lợi nhuận mảng dịch vụ để thúc đẩy/thu hút nhóm khách hàng cá nhân.

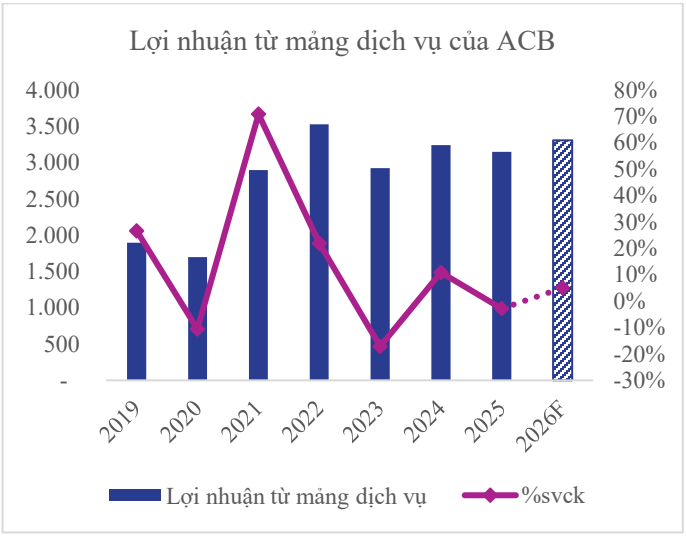

Nguồn: BCTC ACB, , VIX RESEARCH Ước tính

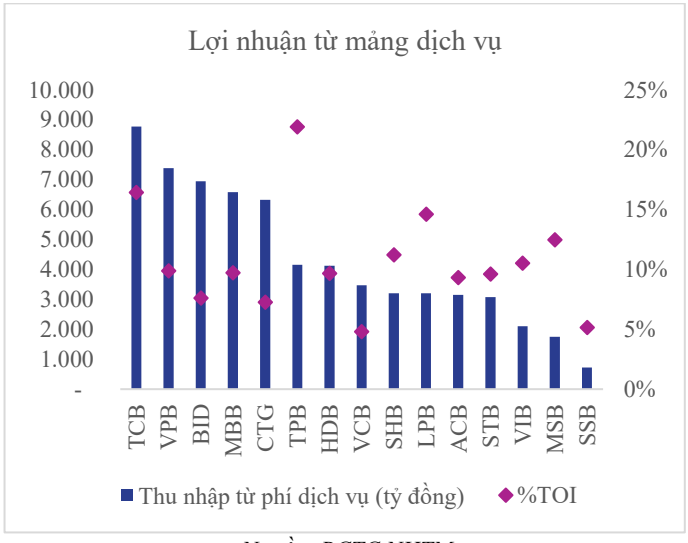

Nguồn: BCTC NHTM

Các khoản thu nhập khác

Hoạt động thu nhập ngoài lãi khác của ACB đang trở nên sôi động hơn trong năm 2025 - tăng trưởng 51% YoY. Cụ thể, hai trụ cột chính bao gồm kinh doanh ngoại hối và vàng và hoạt động khác (thu hồi nợ xấu) đóng góp vào 74% hoạt động thu nhập ngoài lãi khác. Đáng chú ý, hoạt động kinh doanh vàng&ngoại hối được hưởng lợi tích cực trong bối cảnh biến động về kinh tế - chính trị toàn cầu trong năm 2025, trong đó, giá vàng SJC và giá USD thị trường tự do tăng lần lượt 94% và 4% giúp cho hoạt động kinh doanh này của ACB tăng trưởng tới 48% YoY. Bên cạnh đó, hoạt động khác được cải thiện tích cực (+64% YoY) trong năm chủ đến từ hoạt động thu hồi nợ tích cực từ phía ACB. Cùng với đó, thị trường chứng khoán tăng điểm tích cực (VN-Index +40,6%) giúp cho hoạt động tự doanh tại ACBS (chứng khoán) và ACBC (quỹ) cũng cải thiện hiệu suất đáng kể - lãi chứng khoán kinh doanh +136% YoY. Trước biến động kinh tế vĩ mô hiện tại, chúng tôi tin rằng khó có khả năng giá vàng cũng như thị trường chứng khoán khó có khả năng bùng nổ như năm 2025 vừa qua, do đó, chúng tôi ước tính thu nhập ngoài lãi khác của ACB sẽ suy giảm 13,3% trong năm 2026 – đạt 3.247 tỷ đồng.

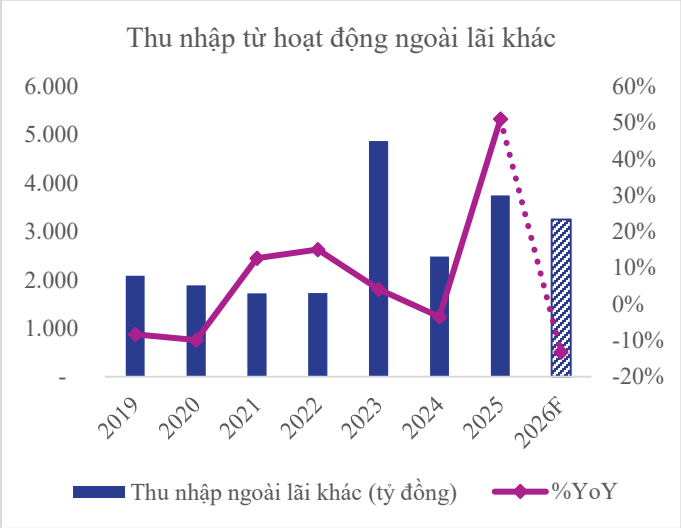

Nguồn: ACB, , VIX RESEARCH Ước tính

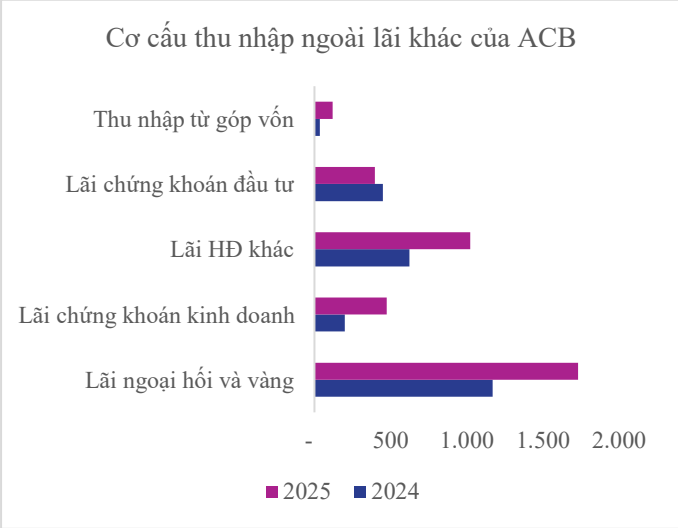

Nguồn: ACB

CIR của ACB duy trì ổn định vùng thấp trong các năm gần đây

Nhìn chung, tỷ lệ CIR (Chi phí hoạt động/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh) của ACB đang duy trì biên độ 32-33% kể từ năm 2023 đến nay. Trong đó, hai khoản chi phí lớn đến từ lương/thưởng cho cán bộ nhân viên và chi phí quản lý vận hành chiếm phần lớn chi phí vận hành của ACB – chiếm 96%. So với 14 ngân hàng lớn khác trong hệ thống, CIR của ACB đứng thứ 6/15 và gần tiệm cận với trung bình của cả ngành. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng trong kỷ nguyên số, khoảng cách cạnh tranh về công nghệ và áp dụng công nghệ giữa các ngân hàng sẽ dần được thu hẹp lại trong tương lai, gián tiếp thu hẹp lợi thế về chi phí vận hành trong dài hạn.

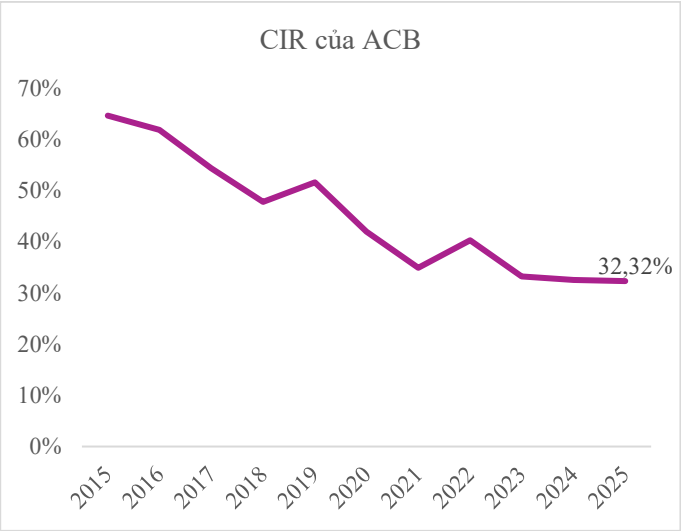

Nguồn: ACB

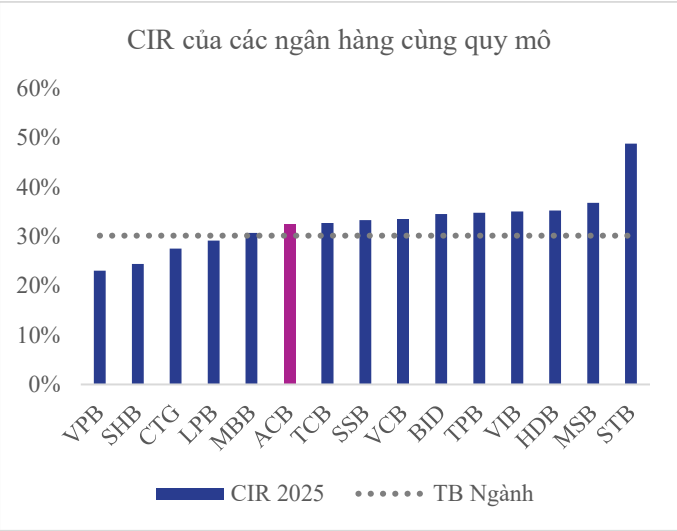

Nguồn: BCTC NHTM

3. Dự báo KQKD năm 2026

Dựa trên các luận điểm trên, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận sau thuế của ACB sẽ đạt 16.196 tỷ đồng trong năm 2026, tương đương +3,65% YoY. KQKD năm 2026 được thúc đẩy từ các động lực (1) Duy trì đà tăng trưởng tín dụng đạt 15% (2) Hiệu suất tài sản ngừng suy giảm tạo đà tăng trưởng mới cho thu nhập lãi – từ việc mở rộng quy mô cho vay (3) Tỷ lệ trích lập/lợi nhuận trước trích lập 15% - vẫn thấp hơn đáng kể so với các NHTM khác trong hệ thống – bộ đệm dự phòng rủi ro lớn.

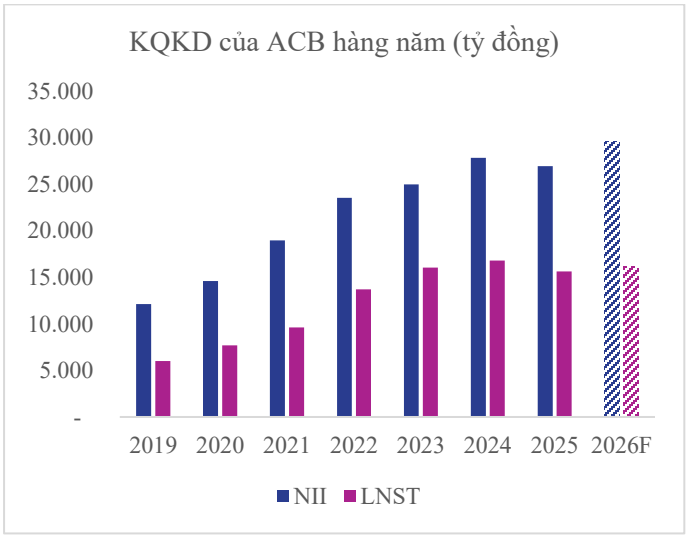

Nguồn: ACB, VIX RESEARCH Ước tính

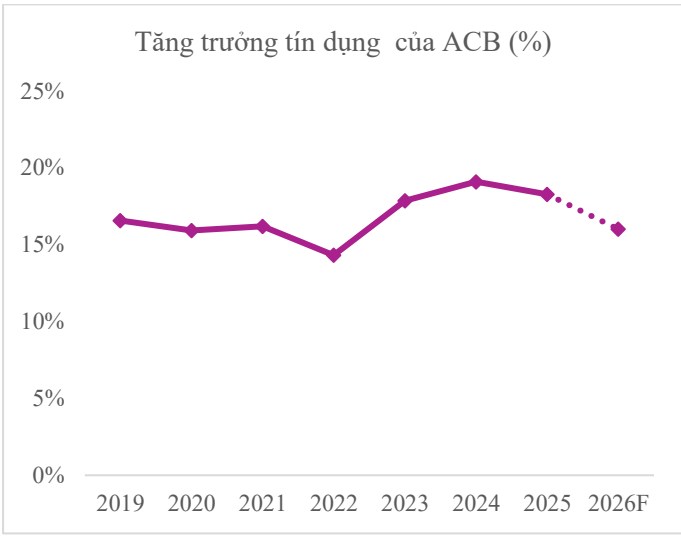

Nguồn: ACB, VIX RESEARCH Ước tính

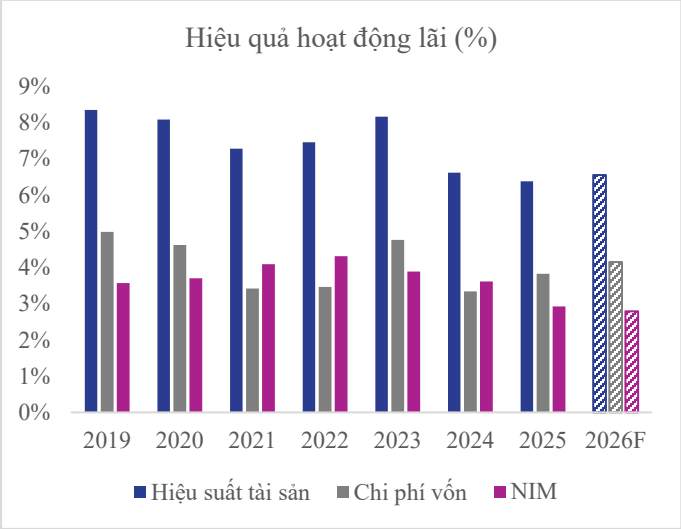

Nguồn: ACB, VIX RESEARCH Ước tính

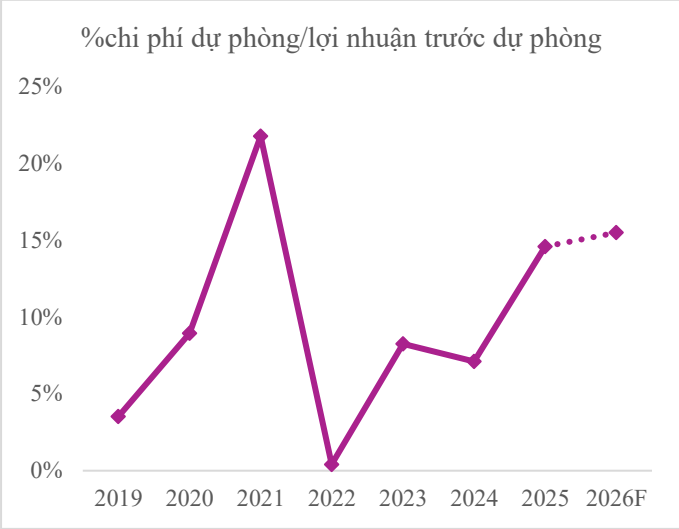

Nguồn: ACB, VIX RESEARCH Ước tính

4. Định giá

Với kỳ vọng trên về KQKD của ACB, chúng tôi sử dụng phương pháp P/B để ước tính giá mục tiêu của ACB trong năm 2026 đạt **32.500** VND/cổ phiếu (+38,89% so với giá hiện tại ngày 24/04/2026). Trong đó, P/B mục tiêu của ACB được ước tính dựa trung bình của 3 phương pháp P/B bao gồm P/B Justified $= \frac{\text{Roe} - g}{r - g}$; Trung vị 5 năm của ACB và Trung bình của 3 NHTM tư nhân cùng quy mô (TCB, MBB và VPB). Đáng lưu ý, mức P/B hiện tại của ACB đang chỉ đạt 1,22 lần – khá thấp khi chưa đạt tới phân vị 20 (20^{th} Percentile) của chính ACB trong quá khứ kể từ khi niêm yết

Phương pháp định giá P/B

BVPS VPB 2026 (VND/CP)	24.707
P/B mục tiêu của ACB (x lần)	1,32
Giá mục tiêu (VND/CP)	**32.500**
Giá hiện tại	23.400
Tăng/giảm	+38,89%

Phương pháp tính P/B mục tiêu

R(f)	4,50%
Beta	0,83
ERP	15%
Ke	13,25%
ROE	15%
Tăng trưởng kỳ vọng/năm	2,0%
P/B Nội tại - Justified	*1,16*
P/B trung bình (MBB, TCB, VPB)	*1,39*
P/B trung vị 5 năm	*1,41*
P/B Mục tiêu	**1,32**

Phân tích độ nhạy

		P/B Mục tiêu (x lần)										
	32.500	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45	1,50
Tăng trưởng lợi nhuận sau năm 2026 (%)	-10,0%	24.300	25.500	26.700	27.900	29.200	30.400	31.600	32.800	34.000	35.200	36.400
	-9,0%	24.300	25.500	26.800	28.000	29.200	30.400	31.600	32.800	34.100	35.300	36.500
	-8,0%	24.400	25.600	26.800	28.000	29.200	30.400	31.700	32.900	34.100	35.300	36.500
	-7,0%	24.400	25.600	26.800	28.000	29.300	30.500	31.700	32.900	34.100	35.400	36.600
	-6,0%	24.400	25.600	26.900	28.100	29.300	30.500	31.700	33.000	34.200	35.400	36.600
	-5,0%	24.400	25.700	26.900	28.100	29.300	30.600	31.800	33.000	34.200	35.400	36.700
	-4,0%	24.500	25.700	26.900	28.100	29.400	30.600	31.800	33.000	34.300	35.500	36.700
	-3,0%	24.500	25.700	27.000	28.200	29.400	30.600	31.900	33.100	34.300	35.500	36.800
	-2,0%	24.500	25.800	27.000	28.200	29.400	30.700	31.900	33.100	34.300	35.600	36.800
	-1,0%	24.600	25.800	27.000	28.300	29.500	30.700	31.900	33.200	34.400	35.600	36.800
	0,0%	24.600	25.800	27.100	28.300	29.500	30.700	32.000	33.200	34.400	35.700	36.900
	1,0%	24.600	25.900	27.100	28.300	29.600	30.800	32.000	33.200	34.500	35.700	36.900
	2,0%	24.700	25.900	27.100	28.400	29.600	30.800	32.100	33.300	34.500	35.800	37.000
	3,0%	24.700	25.900	27.200	28.400	29.600	30.900	32.100	33.300	34.600	35.800	37.000
	4,0%	24.700	26.000	27.200	28.400	29.700	30.900	32.100	33.400	34.600	35.800	37.100
	5,0%	24.700	26.000	27.200	28.500	29.700	30.900	32.200	33.400	34.600	35.900	37.100
	6,0%	24.800	26.000	27.300	28.500	29.700	31.000	32.200	33.500	34.700	35.900	37.200
	7,0%	24.800	26.000	27.300	28.500	29.800	31.000	32.300	33.500	34.700	36.000	37.200
	8,0%	24.800	26.100	27.300	28.600	29.800	31.000	32.300	33.500	34.800	36.000	37.300
	9,0%	24.900	26.100	27.400	28.600	29.800	31.100	32.300	33.600	34.800	36.100	37.300
	10,0%	24.900	26.100	27.400	28.600	29.900	31.100	32.400	33.600	34.900	36.100	37.400

Nguồn: VIX RESEARCH Ước tính

Phụ lục 1: Một số chỉ tiêu tài chính của ACB

Đơn vị: tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tóm tắt BCTC							
Thu nhập lãi thuần	12.112	14.582	18.945	23.534	24.960	27.795	26.906
Tổng thu nhập ngoài lãi	3.985	3.579	4.619	5.257	7.787	5.720	6.892
Tổng thu nhập HĐKD	16.097	18.161	23.564	28.790	32.747	33.515	33.798
Tổng Chi phí HĐKD	8.308	7.624	8.230	11.605	10.874	10.903	10.924
Tổng Lợi nhuận HĐKD (trước trích lập)	7.790	10.537	15.334	17.185	21.872	22.612	22.874
Trích lập dự phòng	274	941	3.336	71	1.804	1.606	3.335
Lợi nhuận trước thuế	7.516	9.596	11.998	17.114	20.068	21.006	19.539
Lợi nhuận sau thuế	6.010	7.683	9.603	13.688	16.045	16.790	15.625
Cho vay khách hàng	268.701	311.479	361.913	413.706	487.602	580.686	686.777
Tổng Tài sản	383.514	444.530	527.770	607.875	718.795	864.006	1.025.850
Tiền gửi của khách hàng	308.129	353.196	379.921	413.953	482.703	537.305	585.180
Tổng nợ phải trả	355.749	409.082	482.869	549.437	647.839	780.544	931.330
Vốn chủ Sở hữu	27.765	35.448	44.901	58.439	70.956	83.462	94.520
Các chỉ số quan tâm							
Tăng trưởng cho vay	16,6%	15,9%	16,2%	14,3%	17,9%	19,1%	18,3%
Hiệu suất Tài sản sinh lãi (IEA yield)	8,3%	8,1%	7,3%	7,5%	8,2%	6,6%	6,4%
Lãi suất từ Nguồn vốn chịu lãi (IBL cost)	5,0%	4,6%	3,4%	3,5%	4,8%	3,3%	3,8%
Lãi suất chênh lệch (IEA yield - IBL cost)	3,4%	3,5%	3,9%	4,0%	3,4%	3,3%	2,6%
Tăng trưởng ngoài lãi	8,6%	-10,2%	29,1%	13,8%	48,1%	-26,5%	20,5%
Trích lập Dự phòng rủi ro/Lãi trước trích lập	3,5%	8,9%	21,8%	0,4%	8,2%	7,1%	14,6%
Tăng trưởng tiền gửi	14,1%	14,6%	7,6%	9,0%	16,6%	11,3%	8,9%
CIR	51,6%	42,0%	34,9%	40,3%	33,2%	32,5%	32,3%
NIM	3,6%	3,7%	4,1%	4,3%	3,9%	3,6%	2,9%
ROAA	1,7%	1,9%	2,0%	2,4%	2,4%	2,1%	1,7%
ROAE	24,6%	24,3%	23,9%	26,5%	24,8%	21,7%	17,6%
NPL	0,5%	0,6%	0,8%	0,7%	1,2%	1,5%	1,0%
EPS	4.073	4.018	3.949	4.503	4.419	4.021	3.254
BVPS	18.816	18.538	18.464	19.225	19.543	19.989	19.685

Nguồn: ACB

Phụ lục 2: 15 ngân hàng thương mại lớn nhất trong hệ thống

	Vốn hoá (tỷ đồng)	P/B (x lần)	P/E (x lần)	ROE (%)	ROA (%)	E/A (%)
VCB	506.354	2,26	12,88	16,61%	1,55%	9,32%
BID	296.663	1,77	9,57	19,14%	1,00%	5,21%
CTG	271.843	1,52	7,86	21,25%	1,35%	6,49%
TCB	242.704	1,37	9,32	15,85%	2,39%	15,05%
MBB	211.041	1,55	7,88	21,14%	2,00%	8,79%
VPB	216.199	1,24	8,22	14,87%	2,23%	14,31%
HDB	134.642	1,78	7,68	25,28%	2,09%	8,41%
LPB	138.311	2,80	12,38	25,23%	2,05%	7,79%
STB	122.350	2,04	20,60	10,34%	0,71%	6,53%
SHB	74.533	1,09	5,70	19,05%	1,46%	7,62%
VIB	58.719	1,25	8,05	16,41%	1,39%	8,43%
SSB	47.369	1,17	8,59	14,62%	1,53%	10,18%
TPB	45.217	1,07	6,11	17,65%	1,60%	9,10%
MSB	39.312	0,93	6,98	14,20%	1,55%	10,41%
Trung bình	171.804	1,56	9,42	17,98%	1,64%	9,12%
Trung vị	136.477	1,45	8,14	17,13%	1,55%	8,61%
ACB	120.198	1,22	7,39	17,56%	1,65%	9,21%

Nguồn: BCTC NHTM, FiinData

Lưu ý: Dữ liệu được cập nhật tại ngày 28/04/2025

Phụ lục 3: Dữ liệu P/B của ACB

Nguồn: FiinData

HỆ THỐNG NHẬN ĐỊNH TRIỂN VỌNG DOANH NGHIỆP

TÍCH CỰC: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo tăng, với tốc độ tăng **hơn 15%** trong 12 tháng tới hoặc **giá mục tiêu cao hơn 15% giá hiện tại**

TRUNG LẬP: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo **từ -15% đến +15%** hoặc có nhiều thông tin không chắc chắn, khó dự báo hoặc **giá mục tiêu được dự báo -15% đến +15% so với giá hiện tại**

TIÊU CỰC: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo giảm, với tốc độ giảm **dưới -15%** trong 12 tháng tới hoặc **giá mục tiêu được dự báo thấp hơn -15% so với giá hiện tại**

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.